

Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2024

THƯ NGỎ

V/v: Báo giá các dịch vụ bốc xếp, vận chuyển than tại kho, chế biến than và sản phẩm ngoài than tại khu vực Hải Dương năm 2025

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp dịch vụ

Lời đầu thư, Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin xin được gửi tới Quý công ty lời chào trân trọng!

Hiện tại, Công ty chúng tôi đang có nhu cầu tìm hiểu về giá dự kiến một số dịch vụ bốc xếp, vận chuyển than tại kho, chế biến than và sản phẩm ngoài than tại khu vực Hải Dương năm 2025 để nắm bắt được tình hình thị trường. Qua thư này, chúng tôi trân trọng đề nghị Quý công ty cung cấp cho chúng tôi báo giá các dịch vụ mà chúng tôi đang quan tâm. Chúng tôi gửi kèm theo sau đây mẫu biểu báo giá để Quý công ty thuận tiện trong việc báo giá và cung cấp thông tin.

Báo giá (bản ký, đóng dấu) xin gửi về địa chỉ sau đây:

Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin.

Địa chỉ: Số 5, phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243.664.1010

Email: kinhdoanh@thanmienbac.vn

Thời gian nhận báo giá muộn nhất đến hết ngày 11/11/2024.

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận: ✍

- Như kính gửi;
- VP (để đăng website);
- Tổng Giám đốc (e-copy, để b/c);
- P.TGD: H.M.Long (e-copy);
- Lưu: VT, KD.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Hoàng Minh Long

**BẢNG BÁO GIÁ DỊCH VỤ BỐC XẾP, VẬN CHUYỂN THAN TẠI KHO, CHẾ BIẾN THAN VÀ SẢN PHẨM
NGOÀI THAN TẠI KHU VỰC HẢI DƯƠNG NĂM 2025**

Đơn vị báo giá:.....

Ngày báo giá:.....

Thời hạn hiệu lực của báo giá:.....

a. Dịch vụ bốc xếp, vận chuyển than tại kho:

| STT | Dịch vụ | Phương tiện, thiết bị thực hiện | Khối lượng dự kiến năm 2025 (tấn) | Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (đồng/tấn) | Ghi chú |
|-----|---|------------------------------------|---|---|--|
| 1 | Bốc xếp than từ phương tiện vận tải thủy lên cầu cảng hoặc lên ô tô | Máy xúc | 2.250.000 | | |
| 2 | Bốc xếp than từ ô tô hoặc cầu cảng xuống phương tiện vận tải thủy | Máy xúc, băng tải | 2.250.000 | | |
| 3 | Bốc xếp than từ kho bãi chứa than lên ô tô | Máy xúc | 2.250.000 | | |
| 4 | Vận chuyển than từ cầu cảng vào kho bãi chứa than (cung độ ≤ 1km) | Ô tô ben tự đổ | 2.250.000 | | |
| 5 | Vận chuyển than từ kho bãi chứa than ra cầu cảng (cung độ ≤ 1km) | Ô tô ben tự đổ | 2.250.000 | | |
| 6 | Vun gom, cón đồng than mua nhập kho | Máy xúc | 675.000 | | Khối lượng vun gom, cón đồng than mua nhập kho được tính bình quân bằng 30% tổng khối lượng than mua nhập kho (theo khối lượng quy âm) |



(Handwritten signature)

b. Dịch vụ chế biến than và sản phẩm ngoài than:

| STT | Dịch vụ | Phạm vi công việc thực hiện | Yêu cầu sản phẩm đầu ra | Khối lượng dự kiến năm 2025 (tấn) | Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (đồng/tấn) | Ghi chú |
|-----|----------------|---|---|-----------------------------------|---|---|
| 1 | Tuyển rửa than | Bốc xúc, vận chuyển cấp liệu đầu vào; xác định khối lượng than đầu vào; tuyển rửa qua hệ thống tuyển rửa; bốc xúc, vận chuyển sản phẩm sau tuyển rửa về điểm tập kết; vun gom cón đồng; xác định khối lượng và giám định chất lượng đầu ra. | Tuyển rửa được các chủng loại than theo yêu cầu. | 150.000 | | |
| 2 | Sàng than | Bốc xúc, vận chuyển cấp liệu đầu vào; xác định khối lượng than đầu vào; sàng qua hệ thống sàng; bốc xúc, vận chuyển sản phẩm sau sàng về điểm tập kết; vun gom cón đồng; xác định khối lượng và giám định chất lượng than đầu ra. | Sàng phân loại tối thiểu được 02 sản phẩm đầu ra. | 80.000 | | |
| 3 | Nghiền than | Bốc xúc, vận chuyển cấp liệu đầu vào; xác định khối lượng than đầu vào; nghiền qua hệ thống nghiền; bốc xúc, vận chuyển sản phẩm sau nghiền về điểm tập kết; vun gom cón đồng; giám định cỡ hạt than đầu ra. | Có thể nghiền ra được các loại cỡ hạt theo yêu cầu. | 80.000 | | |
| 4 | Pha trộn than | Bốc xúc, vận chuyển cấp liệu đầu vào; xác định khối lượng than đầu vào; pha trộn qua hệ thống pha trộn đồng bộ bao gồm pha trộn qua 02 bước (bước 1: pha trộn các chủng loại than có chênh lệch chất lượng lớn với nhau, bước 2: pha trộn sản phẩm sau bước 1 với các chủng loại than còn lại); bốc xúc, vận chuyển sản phẩm sau pha trộn về điểm tập kết; vun gom cón đồng; xác định khối lượng và giám định chất lượng than đầu ra. | Các chủng loại than sau pha trộn đạt tiêu chuẩn chất lượng theo TCVN, TCCS. | 2.200.000 | | Pha trộn than trong nước (TCVN, TCCS) với than trong nước, thu hồi than trong nước. |



| | | | | | | |
|---|----------------------------------|---|--|---------|--|--|
| 5 | Phoi nghiền bùn và than | Bóc xúc, vận chuyển ra khu vực phoi; xác định khối lượng than đầu vào; rải, phoi than bùn về độ ẩm tiêu chuẩn; bóc xúc, tiếp chuyển ra khu vực nghiền và cấp liệu vào nghiền; nghiền qua hệ thống nghiền; bóc xúc, vận chuyển sản phẩm sau nghiền về điểm tập kết; vun gom cón đồng; xác định khối lượng và giám định chất lượng than đầu ra. | Sản phẩm thu hồi phải đạt độ ẩm $\leq 13\%$, cỡ hạt $\leq 15\text{mm}$, không vón cục. | 170.000 | | |
|---|----------------------------------|---|--|---------|--|--|

* Ghi chú:

- Địa điểm thực hiện: Tại 03 kho:

+ Kho than Kim Thành, Trạm Chế biến và Kinh doanh than Kim Thành trực thuộc Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin.

Địa chỉ: Khu Phụ Sơn, phường An Lưu, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

+ Kho than Kinh Môn 1, Phân xưởng Tuyển và Chế biến than Kinh Môn trực thuộc Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin.

Địa chỉ: Phường Phạm Thái, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

+ Kho than Kinh Môn 2, Phân xưởng Tuyển và Chế biến than Kinh Môn trực thuộc Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin.

Địa chỉ: Khu bãi ngoài đê, khu phố Ga, thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Khoảng cách di chuyển trong kho: $\leq 1\text{km}$.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ CUNG CẤP DỊCH VỤ

